

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 8 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN V.1: MỘT SỐ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO
QUẢN LÝ Ở CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 13, TẠI ĐẢNG BỘ TPTN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Đào Thị Kim Anh	1	07	8.0	Tám	
2	Lê Thị Chanh	2	31	8.0	Tám	
3	Nguyễn Thành Chung	3	50	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Thùy Dung	4	70	7.5	Bảy rưỡi	
5	Vũ Thị Thùy Dương	5	69	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Duyên	6	52	8.0	Tám	
7	Vũ Đình Đề	7	62	7.0	Bảy	
8	Hoàng Văn Điệp	8	59	8.0	Tám	
9	Đỗ Minh Đức	9	51	7.5	Bảy rưỡi	
10	Nguyễn Minh Đức	10	37	7.0	Bảy	
11	Lê Thị Giang	11	26	7.5	Bảy rưỡi	
12	Trần Thị Hương Giang	12	10	8.0	Tám	
13	Nguyễn Thị Hải Hà	13	63	7.5	Bảy rưỡi	
14	Lương Thị Thu Hà	14	02	7.5	Bảy rưỡi	
15	Hà Văn Hải	15	38	7.0	Bảy	
16	Ngô Thị Hạnh	16	01	7.5	Bảy rưỡi	
17	Hà Thị Hằng	17	18	8.0	Tám	
18	Phạm Thị Thu Hằng	18	64	8.0	Tám	
19	Vũ Thị Thu Hằng	19	68	7.0	Bảy	
20	Trần Thị Hảo	20	61	7.5	Bảy rưỡi	
21	Lê Thị Thúy Hiền	21	27	8.0	Tám	
22	Nguyễn Thanh Hiền	22	32	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	23	40	7.5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Minh Huệ	24	46	8.0	Tám	
25	Nguyễn Anh Hùng	25	06	7.0	Bảy	
26	Hoàng Thị Hưng	26	20	8.0	Tám	
27	Trịnh Thị Thu Hương	27	33	7.5	Bảy rưỡi	
28	Trần Thị Hương	28	42	8.0	Tám	
29	Phùng Thị Huyền	29	65	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30	04	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thanh Huyền	31	25	8.0	Tám	
32	Hà Quang Khánh	32	55	7.0	Bảy	
33	Vũ Chí Kiên	33	54	7.0	Bảy	
34	Đoàn Thị Nhật Linh	34	71	7.5	Bảy rưỡi	
35	Trần Thị Diệu Linh	35	14	7.5	Bảy rưỡi	
36	Trần Thị Tuyết Loan	36	43	7.0	Bảy	
37	Phùng Thị Thanh Loan	37	35	8.5	Tám rưỡi	
38	Đỗ Thị Hồng Nga	38	67	7.0	Bảy	
39	Nguyễn Thị Thúy Nga	39	03	8.0	Tám	
40	Nguyễn Thị Bích Ngọc	40	34	7.0	Bảy	
41	Phạm Chí Nguyên	41	53	7.5	Bảy rưỡi	
42	Đinh Thị Nhài	42	16	7.5	Bảy rưỡi	
43	Cà Nguyễn Linh Phương	43	28	8.0	Tám	
44	Vũ Thị Thanh Phương	44	12	7.5	Bảy rưỡi	
45	Vũ Thị Minh Quý	45	08	8.5	Tám rưỡi	
46	Lương Ngọc Quỳnh	46	11	8.0	Tám	
47	Nguyễn Huyền Sâm	47	47	8.0	Tám	
48	Nguyễn Hồng Thái	48	15	8.0	Tám	
49	Nông Thị Hồng Thắm	49	24	8.0	Tám	
50	Trịnh Đức Thắng	50	60	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Hoài Thanh	51	29	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Vũ Quyết Thanh	52	56	7.0	Bảy	
53	Nguyễn Thị Thảo	53	66	7.5	Bảy rưỡi	
54	Trịnh Đức Thảo	54	36	7.0	Bảy	
55	Ngô Thị Phương Thảo	55	13	7.5	Bảy rưỡi	
56	Vũ Thị Thơm	56	-	-	-	Chuyển lớp
57	Ngô Thị Thu Thuận	57	22	8.0	Tám	
58	Nguyễn Trung Thường	58	17	7.5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Hồng Thúy	59	23	8.0	Tám	
60	Lương Thị Thanh Thúy	60	09	8.5	Tám rưỡi	
61	Dương Thị Thu Thủy	61	19	8.5	Tám rưỡi	
62	Lê Thị Thủy	62	30	7.5	Bảy rưỡi	
63	Bùi Thị Thủy	63	58	7.0	Bảy	
64	Trần Mạnh Thủy	64	45	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Văn Trọng	66	48	7.0	Bảy	
66	Nguyễn Xuân Trường	67	44	7.0	Bảy	
67	Hoàng Anh Tuấn	68	57	7.0	Bảy	
68	Phạm Quang Tùng	69	49	8.0	Tám	
69	Nguyễn Thị Tuyết	70	05	8.0	Tám	
70	Nguyễn Tiên Việt	71	41	7.5	Bảy rưỡi	
71	Nguyễn Hương Xoan	72	21	8.0	Tám	
72	Trần Thị Hải Yến	73	72	7.0	Bảy	
73	Nguyễn Đức Toàn	65	39	8.0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hường

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHỤ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên